

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 5 - 2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Cao Thế,
2. Ông Nguyễn Quang Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm H, thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đình D, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 27 tháng 01 năm 2022 được bổ sung tại bản tự khai và quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vân A trình bày: Chị và anh Trần Đình D tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 25-02-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh D tại thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn, Chị đã cho anh D cơ hội mục đích núi kéo tình cảm vợ chồng nhưng không đạt được kết quả, anh D không có trách nhiệm với gia đình. Đến năm 2018,

Chị đã về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, Chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Đình D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Ngày 21 tháng 02 năm 2022, chị Nguyễn Thị Vân A đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành điều tra, xác minh lý do vắng mặt của anh Trần Đình D. Ngày 03 tháng 3 năm 2022, Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh, lấy lời khai của bà Châu Thị D - mẹ anh D, bà D cho biết: Anh Trần Đình D và chị Nguyễn Thị Vân A tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào năm 2016. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng vợ chồng bà tại thôn T, xã H được một thời gian thì vợ chồng vào miền nam làm ăn, sau đó trở về sống với vợ chồng Bà. Quá trình chung sống do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã nhau. Hiện nay, vợ chồng A-D xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng A - D không có con chung, không có tài sản chung.

Trần Đình D đi làm ăn, Tết có về ăn tết cùng gia đình và biết được việc Nguyễn Thị Vân A xin ly hôn, D xác định việc xin ly hôn là quyền của Vân A, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của Vân A. Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập của Tòa án, Bà đã trực tiếp, gọi điện thoại Facebook cho D biết, D nhất trí ly hôn Nguyễn Thị Vân A và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 35, 39, 48, 49, 63, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Vân A, xử cho chị Anh được ly hôn anh Trần Đình D. Về con chung: Không giải quyết. Về tài sản chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Vân A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Đình D có địa chỉ thôn T, xã H, huyện Q. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Đình D được tổng đạt hợp lệ cá văn bản tố tụng nhưng không có mặt, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Trần Đình D lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Tuy nhiên, do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm đã nảy sinh mâu thuẫn, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, anh D biết việc chị Vân A xin ly hôn tại Tòa án nhưng không có bất cứ ý kiến hay động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Vân A.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về chia tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Vân A và anh Trần Đình D.

2. Về nuôi con chung: Không giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền án phí ly hôn chị A phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số 31AA/2021/0003826, ngày 10 tháng 02 năm 2022.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Vân A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Đình D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã X;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

